

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 7 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 306/2020/HNST ngày 17 tháng 6 năm 2020, giữa ;

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Cẩm V , sinh năm 1996;

Bị đơn: Ông Lê Tuấn A, sinh năm 1994.

Cùng địa chỉ: Khu phố C, phường T, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh.

Căn cứ vào các Điều 212, Điều 213 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 55, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật Thi hành án dân sự năm 2008 sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Căn cứ Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 năm 2015 có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2017 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 23 tháng 7 năm 2020;

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 25 tháng 8 năm 2020 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 (bảy) ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Bà Nguyễn Thị Cẩm V và ông Lê Tuấn A.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1 Về quan hệ vợ chồng: Bà Nguyễn Thị Cẩm V và ông Lê Tuấn A thuận tình ly hôn (Giấy chứng nhận kết hôn số 100, Quyền số 01/2014, đăng ký tại Ủy ban nhân dân phường T, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh ngày 25/8/2017).

2.2 Về quan hệ con chung: Căn cứ giấy khai sinh số 128/2014, quyền số 01/2014 đăng ký tại Ủy ban nhân dân thị trấn T, huyện G, tỉnh B, cùng lời thừa nhận bà Nguyễn Thị Cẩm V và ông Lê Tuấn A, bà V và ông Tuấn A có 01 con chung, họ và tên: Lê Hoàng Gia B (nam), sinh ngày 20/5/2014.

Sau khi ly hôn, Bà Nguyễn Thị Cẩm V và ông Lê Tuấn A thỏa thuận giao con chung là trẻ Lê Hoàng Gia B (nam) sinh ngày 20/05/2014 cho bà V là người trực tiếp nuôi dưỡng, bà V không yêu cầu ông Tuấn A cấp dưỡng nuôi con.

Ông Tuấn A được quyền và nghĩa vụ đi lại trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung. Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

2.3 Về quan hệ tài sản chung và nợ chung: Không có.

2.4 Án phí dân sự sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị Cẩm V tự nguyện chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với vụ án về tranh chấp hôn nhân và gia đình là 150.000 (một trăm năm mươi ngàn) đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2018/0032647 ngày 17/6/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh. Như vậy, hoàn lại cho bà Nguyễn Thị Cẩm V số tiền là 150.000 (một trăm năm mươi ngàn) đồng.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND Tp. HCM;
- VKSND Q7;
- Chi cục THADS Quận 7;
- Cơ quan thực hiện việc đăng ký kết hôn;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, HS (TK.Sang).

THẨM PHÁN

Lê Thuần Phong